
Số : 1199/VMIC-HĐQT

Cẩm Phả, ngày 05 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN**
Năm báo cáo: 2016

I/ Thông tin chung:

1/ Thông tin khái quát

- +/ Tên Công ty: **Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô - VINACOMIN**
+/ Tên giao dịch quốc tế: **VINACOMIN-MOTOR INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY**
+/ Tên viết tắt: **VMIC**
+/ Mã chứng khoán: **VMA**

Logo



+/ Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh: số 5700353722 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần 5 ngày 05 tháng 7 năm 2012.

+/ Địa chỉ:

+ Trụ sở chính: Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

+ Điện thoại: (84.33) 3865 286 Fax: (84.33) 3862 398

+ Website: www.vmicauto.vn Email: vmicauto@yahoo.com.vn

+ Vốn điều lệ: 27.000.000.000 (Hai mươi bảy tỷ) đồng

2. Quá trình hình thành phát triển

- Việc thành lập: Công ty thành lập ngày 01 tháng 08 năm 1960

- Chuyển đổi sở hữu: Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần ngày 22 tháng 01 năm 2008.

- Niêm yết: Công ty niêm yết trên sàn UPCOM năm 2016

3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Sản xuất, lắp ráp xe ô tô vận tải, xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô du lịch.

+ Sửa chữa, cải hoán, bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô các loại, xe máy thi công, thiết bị mỏ, thiết bị năng lượng, thiết bị khoáng sản.

+ Chế tạo thiết bị, chế tạo, phục hồi vật tư phụ tùng.

+ Sản xuất các loại sản phẩm kết cấu cơ khí.

+ Chế tạo, sửa chữa các thiết bị sàng tuyển.

+ Xây lắp các công trình công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp.

+ Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phụ tùng hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống.

+ Dịch vụ tư vấn kỹ thuật chuyên ngành ô tô.

- Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu trên tỉnh Quảng Ninh và các cả nước (khi có yêu cầu của khách hàng)

4. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị:



+ Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên.

+ Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.

(Thay đổi thành viên Ban kiểm soát : Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 (Tổ chức ngày 29/4/2016) đã thông qua bầu bà Bùi Thị Lan – Phó phòng kế toán thống kê công ty làm trưởng ban kiểm soát chuyên trách (Thay thế Ông Bùi Hoàng Việt – Chuyên viên Ban Kế hoạch Tập đoàn TKV))

+ Ban Giám đốc điều hành: 01 Giám đốc Công ty điều hành chung, 01 Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, an toàn, kỹ thuật, đời sống ; 01 Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh kinh tế ; 01 Kế toán trưởng.

+ Các phân xưởng, phòng ban: 08 phòng, 06 phân xưởng.

*** Các phòng ban Công ty:**

1- Phòng Tổ chức hành chính và Y tế
(viết tắt: TCHC-Yt)

2- Phòng Kế hoạch và kiểm soát chi phí
(viết tắt: KHZ)

3- Phòng Vật Tư (viết tắt: VT)

4- Phòng Kỹ thuật CNKTCL&BH
(viết tắt: KKB)

5- Phòng An toàn – MT- CN & Đầu tư
(viết tắt: AT-MT-CN&ĐT)

6- Phòng Bảo vệ - Thanh tra- Kiểm toán
(viết tắt: BV-TT-KT)

7- Phòng Kinh doanh & Điều hành sản xuất.
(viết tắt: KD-ĐHSX)

8- Phòng Kế toán thống kê(viết tắt: KTTK)

*** Các Phân xưởng:**

1- Phân xưởng Sửa chữa ô tô

2- Phân xưởng Động cơ và thủy lực

3- Phân xưởng Cơ khí

- Công ty có 01 chi nhánh tại Hà Nội (không có công ty con)

4- Phân xưởng Kết cấu

5- Phân xưởng Lắp ráp ô tô

6- Phân xưởng Cơ điện

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

+ Sửa chữa các loại xe tải nặng HD, CAT, VOLVO, HM, SCANIA, BELAZ... (55 đến >100 tấn);

+ Chế tạo, phục hồi các sản phẩm thiết bị phục vụ khai thác mỏ (khai thác Hàm lò và lộ thiên) ;

+ Lắp ráp các loại xe ô tô tải nặng, sản xuất chế tạo các loại xe chuyên dùng: Téc dầu, téc nước, thùng kín, thùng hở, xe cầu,

+ Liên doanh Chế tạo các sản phẩm, hệ thống vận tải phục vụ trong khai thác hầm lò, lộ thiên (mônôray, ống thủy lực mềm, barie, dàn chống siêu nhẹ, toa xe ...)

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Chiến lược phát triển của Công ty chủ yếu vẫn tập trung vào việc sửa chữa xe tải nặng đại xa siêu trường siêu trọng, các loại xe trung xa, chế tạo và phục hồi các sản phẩm cơ khí phục vụ cho các công ty khai thác Mỏ. Xây dựng thương hiệu của công ty về sửa chữa, chế tạo phục hồi thiết bị cho khai thác Mỏ lộ thiên và khai thác Hàm lò nhằm mục tiêu tăng năng suất, đảm bảo chất lượng và giá thành hiệu quả.

- Trong hoạt động thực hiện công tác môi trường được chú trọng theo quy định; Công tác xã hội và cộng đồng: Thường xuyên quan tâm tham gia đóng góp đầy đủ theo điều kiện của công ty phối hợp hỗ trợ lẫn nhau hài hoà giữa doanh nghiệp với địa phương.

II/ Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động SXKD

Trong năm 2016 các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu về doanh thu, lợi nhuận, thu nhập tiền lương bình quân của người lao động đều đạt vượt mức kế hoạch đề ra. Để đạt được các chỉ tiêu trên, Công ty đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ như sau:

*/ Về việc làm: Cơ bản các bộ phận trong Công ty đủ việc làm. Công ty đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong việc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh theo phân công của Tập đoàn. Ngoài khối lượng công việc ghi trong kế hoạch phối hợp kinh doanh, Công ty

đã chủ động tìm kiếm, khai thác thêm việc làm, đồng thời tăng cường sản phẩm chế tạo, phục hồi phụ tùng như sửa chữa thiết bị sàng tuyển, băng tải cho các công ty Tuyển than, Nhiệt điện, lắp đặt vận hành dây chuyền sản xuất cát xây dựng từ đá thải mỏ lộ thiên cho Công ty cổ phần thiên Nam, chế tạo chi tiết thiết bị cho nhà máy thép Việt – Ý, v.v..., ngoài ra Công ty đã tập trung đẩy mạnh sản xuất sản phẩm phụ tùng thay thế cho các loại xe ô tô vận tải, các thiết bị khai thác hầm lò.

*/ Một số sản phẩm mới năm 2016 công ty đang triển khai thực hiện bao gồm:

+ Chế tạo giàn chống tự hành GC-1800-16/24: Đang trong giai đoạn thử nghiệm.

+ Chế tạo bộ giá thủy lực di động liên kết xích GLX 1800/16/24: Đang trong giai đoạn thử nghiệm.

+ Nghiên cứu thiết kế chế tạo xe sản xuất thuốc nổ NTR07 cho Tổng công ty Hóa chất mỏ, trên cơ sở Chassi xe Scania .

+ Nghiên cứu thiết kế chế tạo Trạm nạp nguyên liệu di động trên khai trường mỏ cho Tổng công ty Hóa chất mỏ.

+ Nghiên cứu, thiết kế bản vẽ, quy trình công nghệ, chế tạo và thử nghiệm Barie tự động lắp đặt trong lò giềng nghiêng nhằm đảm bảo an toàn, giảm thiểu tai nạn rủi ro trong khâu trực tải than hầm lò.

+ Nghiên cứu cải tiến máy xúc VMIC-80P phục vụ bốc xúc trong hầm lò.

Năm 2016 Công ty đã có đủ việc làm cho người lao động.

Về lao động: Công ty tiếp tục sắp xếp bố trí lại lực lượng lao động, giảm gián tiếp và phục vụ phụ trợ, có nhiều biện pháp nâng cao chất lượng lao động như tăng cường đào tạo tại chỗ, bổ sung lao động mới.

Về hiệu quả sản xuất kinh doanh: Công ty đã tăng cường quản lý, có nhiều biện pháp tiết giảm chi phí, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, cả năm hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận.

Hội đồng quản trị Công ty đã sâu sát chỉ đạo kịp thời, sự chủ động nhanh nhạy của bộ máy điều hành, với những cố gắng khắc phục khó khăn của tập thể CBCN, trong năm Công ty đã phấn đấu thực hiện nhiệm vụ với những kết quả như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016

| T | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2016 theo NQ ĐHCĐ | Thực hiện năm 2016 | % |
|---|------------------------|---------------|----------------------------|--------------------|-------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=5/4 |
| 1 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 355.000 | 385.485 | 109 |
| 2 | Lao động và tiền lương | | | | |
| 3 | Lao động bình quân | Người | 536 | 468 | 87 |
| 4 | Tiền lương bình quân | 1000đ/ng/thg | 6.913 | 8.417 | 120 |
| 5 | Lợi nhuận | Triệu đồng | 4.600 | 4.999 | 109 |
| 6 | Cổ tức | % vốn điều lệ | 08 | 08 | |

Trong năm các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu về doanh thu, lợi nhuận, thu nhập tiền lương bình quân của người lao động Công ty đều đạt và vượt kế hoạch năm

2. Tổ chức và nhân sự

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

- Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Công ty có 01 Chi nhánh, 06 phân xưởng và 08 phòng .

+ **Tóm tắt lý lịch Ban điều hành** (Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng)

* **Giám đốc Công ty:**

+ **Họ tên: Phạm Xuân Phi**

+ Giới tính: Nam

+ Ngày tháng năm sinh: 04/ 6/ 1969

+ Quốc tịch: Việt Nam.

+ Dân tộc: Kinh.

+ Quê quán: Nam Định

+ Trú quán: Phường hồng Hà, TP Hạ Long

+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí ô tô, Kỹ sư điện

Trình độ chính trị: Cao cấp.

+ Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin.

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 31.328 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 972.227 cổ phần.

+ **Phó giám đốc: Lê Thanh Sơn**

Sinh ngày 15/10/1963 Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Thụy xuân, Thái Thụy, Thái bình

Trú quán: Cẩm trung, Cẩm phả, Quảng ninh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Ô tô

Trình độ chính trị: Cao cấp.

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 1.295 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: không cổ phần.

+ **Phó giám đốc: Phùng Ngọc Chuẩn**

Sinh ngày 23/07/1957 Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Quyết tiến, Kiến xương, Thái bình

Trú quán: Cẩm thủy, Cẩm phả, Quảng Ninh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy và thiết bị mỏ

Trình độ chính trị: Cao cấp

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 1.842 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.

+ **Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Hồng Thịnh**

Sinh ngày 14/12/1979 Giới tính: Nữ

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc

Trú quán: Tổ 6, khu 6, Cẩm Thành, Cẩm phả, Quảng ninh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Trình độ chính trị: Cao cấp

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 1619 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không

*/ **Những thay đổi chủ yếu trong năm 2016**

Ngày 29/4/2016 đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

Bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát:

+ Bà **Bùi Thị Lan** là Trưởng ban Ban kiểm soát (thay thế Ông Bùi Hoàng Việt theo quyết định của Tập đoàn TKV)

*/ Số lượng cán bộ nhân viên (thời điểm 31/12/2016): 427 Người

3/ Tình hình thực hiện đầu tư:

Thực hiện đầu tư trong năm 2016 thực hiện đạt 6,561 tỷ đồng/ 17,447 tỷ đồng = 37,6 % kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, các dự án đầu tư đã thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, cấp trên và quy chế công ty về đầu tư

4/ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ Sở hữu:

a/ Cổ phần: Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2016

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

+ Số cổ phiếu đăng ký phát hành: 2 700 000

Trong đó: Số cổ phiếu phổ thông: 2 700 000

Số cổ phiếu ưu đãi: -

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

Số cổ phiếu phổ thông: 2 700 000

Số cổ phiếu ưu đãi: -

- Cổ tức, lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 2.160.000.000 đồng

- Vốn đầu tư vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư vốn chủ sở hữu:

Cuối năm

Đầu năm

+ Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam

9.722.270.000

9.722.270.000

+ Công ty Cổ phần kín (Cty ngoại thương Kamaz)

10.163.000.000

10.163.000.000

+ Vốn góp các cổ đông khác

7.114.730.000

7.114.730.000

Cộng

27.000.000.000

27.000.000.000

b/ Cơ cấu cổ đông:

- Vốn đầu tư vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư vốn chủ sở hữu:

Tỷ lệ

+ Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam

36,01 %

+ Công ty Cổ phần kín (Cty ngoại thương Kamaz)

37,64 %

+ Vốn góp các cổ đông khác

26,35 %

Cộng

100 %

- Giao dịch thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không có

- Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không có

- Các chứng khoán khác : Không có

5/ Báo cáo tác động đến môi trường :

5.1. Quản lý nguồn nguyên liệu :

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm sử dụng: 22.399 triệu đồng (sắt, thép)

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất và dịch vụ nhỏ vì công ty là đơn vị sửa chữa và chế tạo phục hồi, sau khi đánh giá định kỹ thuật bước II thống nhất với khách hàng xong vật tư cũ là khách hàng lập biên bản thu hồi trả hàng cũ ngay ; còn vật tư mới công ty có đơn hàng đến đầu mua dùng đúng đến đó không để tồn kho.

5.2. Tiêu thụ năng lượng :

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp : Chủ yếu là Điện năng sử dụng là 1.339.200 Kw ; chi phí sử dụng năng lượng trong năm 2.277.898.435 đồng ; Than Rèn phối công ty hàng năm sử dụng 120 tấn, chi phí 360.000.000 đồng.

b. Năng lượng công ty tiết kiệm được :

Tận dụng than tại tổ Rèn để đun nồi hơi nấu ăn công nghiệp, nấu nước uống hàng ngày toàn thể CBCNV và giặt quần áo cho công nhân cán bộ toàn công ty; Công ty ban hành nhiều quy định về sử dụng tiết kiệm điện, hàng năm công ty tiết kiệm được: 60.000.000 đồng.

353
KING
PH
TIG N
Ô T
INAC
PHÀ -

6. Tiêu thụ nước hàng ăn công ty sử dụng : 11.707 M3/năm, với giá trị 145.676.584 đồng ; Công ty được TKV giao Công ty TNHH Môi trường – TKV đầu tư đặt 01 trạm xử lý nước thải thu gom nước bề mặt tại công ty. Nên công tác xử lý nước thải công ty thực hiện tốt.

7. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường :

- a. số lần bị xử phạt do vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường : Không
- b. Tổng số tiền phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường : Không

8. Chính sách liên quan người lao động :

a. Lao động có mặt đến 31/12/2016 là 427 người lao động bình quan trong kỳ : 468 người ; mức lương bình quân 8.417.000 đồng/ người/ tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động :

- Chế độ làm việc :

+ Thời gian làm việc 8h/ ngày ; 6/ ngày / tuần ; nghĩa trưa 6 phút

+ Nghỉ lễ, phép, tết, ốm đau, thai sản : Theo quy định của Pháp Luật

+ Điều kiện làm việc : Công ty được trang bị bảo hộ lao động theo từng đặc thù ngành nghề lamg việc và trang bị dụng cụ đầy đủ ; nhà xưởng sạch sẽ ; nước uống theo mùa đầy đủ ; các vật tư nặng có cầu trung nâng trong quá trình làm việc ; Công nhân đến công ty làm việc mặc quần áo sạch sẽ và thay bảo hộ lao động sau giờ làm việc xong quần áo được giặt giữ quần áo miễn phí .

- Chính sách lương và phúc lợi :

+ Chính sách lương và thưởng: Công ty căn cứ quy chế lương của cấp trên và các quy định của Nhà Nước ban hành quy chế tiền lương đối công ty ; Công ty trả lương theo vị trí việc làm; vị trí công việc làm, để khuyến khích lương nhưng cá nhân có trình độ, nghiệp vụ và tay nghề giỏi.

+ Bảo hiểm xã hội, phúc lợi: Công ty trích nộp bảo hiểm XH, BHYT.. tuân thủ đúng quy định ; không để nợ đọng bảo hiểm và công khai hàng tháng đến người lao động của công ty.

+ Chính sách người lao động: Công ty luôn xác định nhân tố con người là quan trọng nhất quyết định sự phát triển của công ty; Do vậy công ty triển khai: Đối giá tiếp mỗi vị trí làm việc và công việc thực hiện trả lương đối từng cá nhân một mức lương khác nhau ; Đối công nhân sản xuất trực tiếp công ty tổ chức bình xét chất lượng mỗi công nhân một hệ số cụ thể để trả lương theo vị trí và trình độ thực tế ;

Hàng năm công ty liên kết các trường cử đi học tập, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ ; công tác tuyển dụng được thực hiện công khai, minh bạch ; tạo môi trường làm việc để mọi công nhân cán bộ phát huy năng lực bản thân và đóng góp sự phát triển công ty

9. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với địa phương đối công động:

Công ty tham gia các cụm an toàn địa bàn trên nơi công ty đặt trụ sở ; phối hợp 02 đơn vị bộ đội và cơ quan quản lý Nhà nước phối hợp công tác Bảo vệ an ninh trật tự, an toàn doanh nghiệp; hàng năm đóng góp đầy đủ các quỹ theo quy định của pháp luật: Quỹ phòng chống thiên tai (TP Cẩm Phả); công ty chăm sóc 01 cá nhân bộ đội chất độc màu da cam; định kỳ thăm hỏi các tổ chức hội tàn tật, hội người mù, trung tâm bảo trợ trẻ em tỉnh Quảng Ninh

III. Báo cáo đánh giá ban giám đốc :

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2016 theo NQ ĐHCĐ | Thực hiện năm 2016 | % |
|----|------------------------|---------------|----------------------------|--------------------|-------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=5/4 |
| 1 | Tổng doanh thu | Triệuđồng | 355.000 | 385.485 | 109 |
| 2 | Lao động và tiền lương | | | | |
| 3 | Lao động bình quân | Người | 536 | 468 | 87 |
| 4 | Tiền lương bình quân | 1000đ/ng/th g | 6.913 | 8.417 | 122 |
| 5 | Lợi nhuận | Triệuđồng | 4.600 | 4.999 | 109 |
| 6 | Cổ tức | % | 08 | 08 | |

2/ Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán theo qui định của Pháp luật. Công ty đã đăng tải Báo cáo Tài chính năm 2016 đã được kiểm toán trên trang Website của Công ty (vmicauto.vn). Công ty gửi Báo cáo tài chính đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đúng kỳ hạn.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Công ty) Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng VN

Phần thứ nhất:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: Đồng VN

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ (31/12/2016) | Số đầu năm (01/1/2016) |
|--|------------|-------------|----------------------------|---------------------------|
| I | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 98.300.350.418 | 98.037.536.611 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | VI.1 | 2.185.718.054 | 676.029.298 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.185.718.054 | 676.029.298 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | | |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 0 | 0 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | VI.2a | | |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | 122 | VI.2a | | |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | VI.2b | | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 82.401.740.318 | 74.647.131.429 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | VI.3a,c | 82.503.034.901 | 73.992.730.979 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 103.180.000 | 647.194.788 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | | 0 |
| 4. Phải thu tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | | |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | | |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | VI.4a | 260.858.967 | 223.939.212 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | VI.4a | (465.333.550) | (216.733.550) |
| 8. tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | VI.5 | | |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | VI.7 | 13.332.949.229 | 19.487.517.801 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 13.618.283.997 | 19.487.517.801 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | (285.334.768) | |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 379.942.817 | 3.226.858.083 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | VI.13a | 379.942.817 | 3.226.858.083 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 0 | 0 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | VI.19 | | |
| 4. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ | 154 | | | |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | VI.14a | | 0 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260) | 200 | | 20.045.757.325 | 16.952.155.607 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 0 | 0 |

32-C
Y
N
HIỆP
MIN
QUAN

| | | | | |
|--|------------|--------|------------------------|------------------------|
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | VI.3bc | | |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | | |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | | |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | | |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | | |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | VI.4b | | |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | VI.4b | | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 20.045.757.325 | 16.952.155.607 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | VI.9 | 19.908.073.426 | 16.696.388.375 |
| - Nguyên giá | 222 | | 98.004.357.458 | 92.481.714.413 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (78.096.284.032) | (75.785.326.038) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | VI.11 | | |
| - Nguyên giá | 225 | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | | |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | VI.10 | 137.683.899 | 255.767.232 |
| - Nguyên giá | 228 | | 371.520.000 | 371.520.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (233.836.101) | (115.752.768) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | VI.12 | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 231 | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | | |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | VI.8a | 0 | 0 |
| 1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | | |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | | |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 0 | 0 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | | |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | | |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | | |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | | |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | | |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 0 | 0 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | VI.13b | | |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | VI.24a | | 0 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | | |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | VI.14b | | |
| | | | | |
| Tổng cộng tài sản (270 = 100+200) | 270 | | 118.346.107.743 | 114.989.692.218 |

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ (31/12/2016) | Số đầu năm (01/1/2016) |
|---|------------|-------------|----------------------------|---------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330) | 300 | | 88.779.173.527 | 84.555.932.922 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 87.799.283.527 | 84.075.932.922 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | VI.16acd | 54.520.574.193 | 55.845.208.165 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 761.896.379 | |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | VI.19 | 2.674.479.159 | 2.184.225.866 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 16.941.774.673 | 14.049.939.287 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | VI.20 | 6.484.000 | 493.336.000 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | | |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | | |

| | | | | |
|--|------------|----------|------------------------|------------------------|
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | VI.22ac | | |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | VI.21 | 2.229.139.258 | 2.408.019.501 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | VI.15acd | | |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | VI.23a | 8.303.716.319 | 7.327.732.502 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 2.361.219.546 | 1.767.471.601 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | | |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ | 324 | | | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 979.890.000 | 480.000.000 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | VI.16bcd | | |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | | |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | VI.20 | | |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | | |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | | |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | VI.22bc | | |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | VI.21 | | |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | | |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | VI.17 | | |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | VI.22 | | |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | VI.24b | | |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | VI.23b | | |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | 979.890.000 | 480.000.000 |
| B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430) | 400 | | 29.566.934.216 | 30.433.759.296 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 29.829.883.702 | 29.283.759.296 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | VI.25a | 27.000.000.000 | 27.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 27.000.000.000 | 27.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | | |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | VI.25a | | |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | VI.25a | | |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | VI.25a | 733.418.350 | 733.418.350 |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | VI.25d | | |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | VI.25a | | |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | VI.25a | | |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | VI.25e | 2.096.465.352 | 1.550.340.946 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | VI.25e | | |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | VI.25e | | |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | VI.25a | 0 | 0 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | | |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | | |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | | |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | -262.949.486 | 1.150.000.000 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | VI.28 | (262.949.486) | 1.150.000.000 |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | | |
| | | | | |
| Tổng cộng nguồn vốn (430 = 300+400) | 440 | | 118.346.107.743 | 114.989.692.218 |



Phần thứ hai:
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HN)
(Dạng đầy đủ)
Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng VN

| Chỉ tiêu | MS | Thuyết minh | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý | |
|--|-----------|-------------|--------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1 | 2 | 3 | 6 | 7 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VII.1 | 383.789.113.175 | 438.487.081.656 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VII.2 | 0 | 0 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 383.789.113.175 | 438.487.081.656 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VII.3 | 345.764.351.332 | 392.882.583.558 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 38.024.761.843 | 45.604.498.098 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VII.4 | 11.991.813 | 17.989.277 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VII.5 | 366.456.265 | 121.155.833 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>366.456.265</i> | <i>121.155.833</i> |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VII.8a | 3.166.390.784 | 4.655.122.093 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VII.8b | 30.791.700.361 | 37.282.636.403 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)) | 30 | | 3.712.206.246 | 3.563.573.046 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VII.6 | 1.683.899.188 | 1.650.649.959 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VII.7 | 397.204.866 | 345.866.437 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 1.286.694.322 | 1.304.783.522 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 4.998.900.568 | 4.868.356.568 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VII.10 | 1.018.485.883 | 1.106.170.855 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | 0 | 0 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60 | VII.11 | 3.980.414.685 | 3.762.185.713 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | | 1.474 | 1.393 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*) | 71 | | | |

III/ Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

Trong năm 2016 các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu về doanh thu, lợi nhuận, thu nhập tiền lương bình quân của người lao động đều đạt vượt mức kế hoạch đề ra. Một số sản phẩm mới năm 2016 công ty đang triển khai thực hiện bao gồm:

- + Chế tạo giàn chống tự hành GC-1800-16/24: Đang trong giai đoạn thử nghiệm.
- + Chế tạo bộ giá thủy lực di động liên kết xích GLX 1800/16/24: Đang trong giai đoạn thử nghiệm.
- + Nghiên cứu thiết kế chế tạo xe sản xuất thuốc nổ NTR07 cho Tổng công ty Hóa chất mỏ, trên cơ sở Chassi xe Scania .
- + Nghiên cứu thiết kế chế tạo Trạm nạp nguyên liệu di động trên khai trường mỏ cho Tổng công ty Hóa chất mỏ.

+ Nghiên cứu, thiết kế bản vẽ, quy trình công nghệ, chế tạo và thử nghiệm Barie tự động lắp đặt trong lò giềng nghiêng nhằm đảm bảo an toàn, giảm thiểu tai nạn rủi ro trong khâu trực tải than hầm lò.

+ Nghiên cứu cải tiến máy xúc VMIC-80P phục vụ bốc xúc trong hầm lò

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Quản trị kinh doanh của công ty đã có nhiều cải tiến, các hoạt động quản lý ngày càng có tiến bộ, hoạt động có nề nếp, chất lượng sản phẩm ổn định hơn.

+ Sắp xếp tinh giảm bộ máy, có kế hoạch thu hút nhân tài, công nhân kỹ thuật để phát triển Doanh nghiệp;

+ Hiệu chỉnh, bổ xung ban hành các quy chế quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

+ Rà soát ban hành các định mức vật tư, kinh tế kỹ thuật và tăng cường kiểm tra kiểm soát, xiết chặt công tác tổ chức, công tác điều hành quản lý chung và công tác điều hành quản lý trực tiếp tại phân xưởng và các phòng ban nghiệp vụ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới đặc biệt phục vụ khai thác mỏ Hầm lò.

- Lựa chọn hiệu quả, đầu tư đổi mới công nghệ phát triển thêm sản phẩm mới. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực để ổn định sản xuất lâu dài của Công ty. Thường xuyên rà soát kiểm tra các hoạt động quản lý.

- Xây dựng thương hiệu uy tín của công ty theo ngành nghề đã được cấp phép kinh doanh, tập trung làm thật tốt các sản phẩm là thế mạnh của công ty, phát triển các sản phẩm mới.

3. Kiểm toán độc lập.

- Đơn vị kiểm toán độc lập.

+ Tên công ty kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY ACA,

+ Trụ sở chính: Tầng 9, Toà nhà HL, 82, phố Duy Tân, Cầu Giấy – Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Các cổ đông và Hội đồng quản trị

Công ty cổ phần công nghiệp Ô tô – Vinacomin

Chúng tôi kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô -- Vinacomin (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 03/3/2017, từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc 31/12/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của ban giám đốc :

Ban giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm kiểm toán viên :

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

335
ĐNG
CPI
G N
Ô T
IAC
PHA -

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc 31/12/2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

IV Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty.

1. Đánh giá hoạt động HĐQT về hoạt động công ty :

Hoạt động của HĐQT công ty cổ phần công nghiệp Ô tô - Vinacomin đã tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ của Công ty khi thực hiện nhiệm vụ của mình. Các nghị quyết của HĐQT đã ban hành kịp thời, giúp cho việc quản lý, chỉ đạo, điều hành SXKD của Công ty năm 2016 đạt kết quả.

Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty có nhiều biện pháp trong chỉ đạo, điều hành, khuyến khích động viên tập thể người lao động nỗ lực để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã giao; Ban Giám đốc và cán bộ quản lý khác công ty vẫn cố gắng tập trung cao độ chỉ đạo thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Đánh giá hoạt động HĐQT về hoạt động ban giám đốc :

Ban điều hành đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ và quyền hạn của mình trong việc điều hành công ty theo Điều lệ Công ty quy định. Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công ty có nhiều nỗ lực, đưa nhiều biện pháp để hoàn kế hoạch sản xuất kinh doanh năm mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã giao.

Năm 2016 có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh công ty gặp nhiều khó khăn khách quan. Khối lượng, thiết bị công việc đưa vào sửa chữa các tháng phụ thuộc nhiều khách hàng, các khách hàng tiết giảm chi phí.

Đứng trước khó khăn Giám đốc điều hành và ban lãnh đạo công ty đã chủ động làm việc với từng đơn vị trong kế hoạch phối hợp của Tập đoàn rà soát lại kế hoạch, cân đối công việc, chủ động nhân công việc mới tại các nhà máy nhiệt điện, phát triển thêm sản phẩm phục vụ cho khai thác Hầm lò, nghiên cứu chế tạo phát triển sản phẩm mới, từng bước tạo nền móng phát triển công việc cho các năm sau.

Giám đốc điều hành đã nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, một cách khẩn trương và nghiêm túc, kịp thời khắc phục khó khăn, đề ra nhiều biện pháp quản lý có hiệu quả trong quá trình điều hành sản xuất. Chấp hành tốt các quy định của pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo. Chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn, tài sản, an toàn trong sản xuất, an ninh doanh nghiệp, đồng thời báo cáo kịp thời các biến động trong quá trình kinh doanh để HĐQT biết điều chỉnh .

Công ty đã rà soát lại toàn bộ lực lượng lao động, sắp xếp lại lao động gián tiếp cho phù hợp, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý tinh gọn hơn, bên cạnh đó rà soát lại các định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu, vật liệu phụ, các chi phí, ban hành các quy định trong quản lý. Cán bộ quản lý của công ty được HĐQT bổ nhiệm, phân cấp cho Giám đốc công ty phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người. Các cán bộ quản lý đã chấp hành nghiêm túc nhiệm vụ giám đốc giao, chỉ đạo các phòng ban, phân xưởng thực hiện nhiệm vụ Sản xuất kinh doanh, đảm bảo yêu cầu đề ra. Trong năm qua các cán bộ quản lý đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Kế hoạch định hướng của HĐQT

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016. Hội đồng quản trị công ty đưa ra phương hướng nhiệm vụ của HĐQT năm 2017 như sau:

1/ Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị trong qua trình sản xuất kinh doanh, kiện toàn lực lượng làm công tác an toàn, kiện toàn lại các hồ sơ, các tài liệu, quy trình, quy định về công tác an toàn.

2/ Đầu tư Áp dụng khoa tiến bộ khoa học kỹ thuật đầu tư các máy móc hiện đại vào sản xuất từng bước thay thế các máy móc cũ, thực hiện tiết kiệm chi phí vật tư, tăng năng suất lao động, nghiên cứu chế tạo các sản phẩm mới.

3/ Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất, cơ cấu lao động tinh gọn cho phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty, có kế hoạch tuyển dụng lớp công nhân kỹ thuật mới nhất là các thợ cơ khí : Tiện, phay, bào, xọc, CNC...; thợ sửa chữa cơ, sửa chữa ô tô mô, thợ thủy lực, thợ điện.

4/ Rà soát các văn bản, quy chế, quy định, chỉ thị, hướng dẫn mới của Nhà nước, của Tập đoàn TKV sửa đổi và bổ sung các quy chế quản lý theo đúng quy định.

5/ Bám sát kế hoạch được đại hội đồng cổ đông thông qua. Từng tháng , quý tập trung chỉ đạo điều hành sản xuất.

6/ Duy trì thực hiện công tác quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với thị trường, nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.

7/ Trên cơ sở kế hoạch SXKD công ty, nhu cầu của thị trường, xem xét các hạng mục đầu tư máy móc, thiết bị, đổi mới công nghệ, mục tiêu chỉ đầu tư những thiết bị thật cần thiết để triển khai phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, sử dụng vốn có hiệu quả.

8/ Thực hiện tốt công tác Công tác an toàn trong lao động sản xuất, tuân thủ thực hiện công tác quân sự quốc phòng, giữ vững an ninh trật tự doanh nghiệp, bảo vệ tài sản công ty, phòng chống không để xảy ra sự cố cháy nổ.

9/ Phối hợp chặt chẽ với ban điều hành, các tổ chức chính trị trong công ty, phát huy sức mạnh tổng hợp vì sự phát triển của Công ty.

V/ Quản trị công ty

1/ Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Xuân Phi : Ủy viên HĐQT - Giám đốc điều hành

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 31.328 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 972.227 cổ phần

2. Ông Phùng Ngọc Chuân: Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc, CTCD Công ty.

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 1.842 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

3. Ông Nguyễn Anh Tuấn : Ủy viên HĐQT .

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: không cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

4. Ông Zakharcov Andrey Alexandrovitch : Ủy viên HĐQT

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn hãng Kamaz: 1.016.300 cổ phần = 37,64%

5. Ông Nguyễn Văn Học: Ủy viên HĐQT

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó :

- Sở hữu cá nhân: 294.982 cổ phần (ĐK:4.040; Tăng trong kỳ: 290.482)

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 0 cổ phần.

722
TY
AN
HIỆP
)
MIN
QUẢN

*** Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**

1. Ông Nguyễn Anh Tuấn : Ủy viên HĐQT
2. Ông Zakharicov Andrey Alexandrovitch : Ủy viên HĐQT

*** Hoạt động của Hội đồng Quản trị:**

+ Ngay sau Đại hội, Hội đồng quản trị đã họp triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết thường kỳ trong năm trên cơ sở cụ thể hoá nhiệm vụ năm kế hoạch. Ban hành 06 Nghị quyết, ra các quyết định phục vụ sản xuất của công ty.

+ Giao chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm cho Ban Giám đốc, củng cố kiện toàn bộ máy lãnh đạo quản lý từ Công ty đến các phòng, phân xưởng.

+ Đình kỳ hàng quý họp giải quyết tồn đọng, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và các giải pháp tổ chức, triển khai thực hiện và điều hành quản lý.

2/ Ban Kiểm soát

1. Bà: Bùi Thị Lan: Trưởng ban kiểm soát.

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

+ Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 1186 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: (TKV giới thiệu đại diện)

2. Ông Trần Thiết Hùng: Ủy viên Ban kiểm soát

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

+ Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 91.355 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

3. Ông Hồ Anh Tuấn: Ủy viên Ban kiểm soát

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

+ Trong đó : - Sở hữu cá nhân: không

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

***/ Hoạt động của BKS.**

1/ Ban kiểm soát

| TT | Thành viên Ban kiểm soát | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Số buổi họp |
|----|--------------------------|------------|--------------------------|-------------|
| 1 | Bùi Hoàng Việt | Trưởng ban | 100 | 01/05 |
| 2 | Bùi Thị Lan | Trưởng ban | 1.186 | 04/05 |
| 3 | Trần Thiết Hùng | Ủy viên | 91.355 | 05/05 |
| 4 | Hồ anh Tuấn | Ủy viên | 0 | 05/05 |

Trong đại hội cổ đông thường niên ngày 29/4/2017: Thực hiện quyết định của cổ đông TKV, đại hội đã thông qua việc Bầu bà Bùi Thị Lan vào Ban kiểm soát ứng cử Trưởng ban thay Ông Bùi Hoàng Việt thôi tham gia ban kiểm soát (Bà Bùi Thị Lan nhận nhiệm vụ Trưởng ban kiểm soát từ 01/5/2016)

Hoạt động của ban kiểm soát:

Năm 2016 BKS đó thực hiện tốt chức năng của mình, như: giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

c/ Thu lao BKS

- Thu lao trả phụ cấp cho từng thành viên ban kiểm soát do Đại hội đồng quyết định hàng năm và số tiền chi trả tiền lương, thù lao cho các thành viên ban kiểm soát: 267.368.00; thù lao đều được công bố trước Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

- Cổ phiếu của Công ty được lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam; công ty đã đưa cổ phiếu vào giao dịch sàn UPCOM

3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Cổ đông góp vốn Nhà nước:

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt nam: 36.01%

Địa chỉ: Số 226, Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

2.2 Cổ đông sáng lập:

a/ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt nam:

Số cổ phần: 972 227 = 36.01%

Địa chỉ: Số 226, Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 5700100256 cấp ngày 19/2/1994

Người đại diện quản lý phần vốn: Ông Nguyễn Chiến Thắng

b/ Công ty cổ phần kín “Công ty ngoại thương Kamaz:

Số cổ phần: 1 016 300 = 37.64%

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 1021602027622

Địa chỉ: Số 4, Rubanenco, TP Nabereznui, Tatarstan, Liên bang Nga

c/ Cổ đông cá nhân

Ông Mai Huy Quỳnh:

Số cổ phần: 1 340 = 0.05%

Số CMND: 013345445 cấp ngày 11/9/2010 do Công an TP Hà Nội cấp

Trú quán: Phú diễn – Từ Liêm - TP Hà Nội.

2.3 Cổ đông vốn góp nước ngoài

+ Công ty cổ phần kín “Công ty ngoại thương Kamaz”:

Số cổ phần: 1 016 300 = 37.64%

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 1021602027622

Địa chỉ: Số 4, Rubanenco, TP Nabereznui, Tatarstan, Liên bang Nga

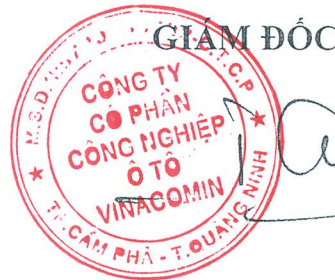
Người đại diện quản lý phần vốn: Ông Tsyganov vasily Vitalievich

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Công Nghiệp Ô tô - Vinacomin xin được trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cùng toàn thể cổ đông Công ty.

Trân trọng./

Nơi nhận :

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VP, HĐQT, Website Công ty.



Phạm Xuân Phi